

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;

2. Ông Huỳnh Công Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tấn Sang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 291/2021/HNST ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Châu DK, sinh năm 1980; Địa chỉ: Căn hộ 10 B C2 Chung cư B, phường M, Quận B, Thành phố H. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê PN, sinh năm 1980; Địa chỉ: 27 – CK Tòa nhà P số 12 TT, phường P, Quận B, Thành phố H. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn ông Châu Duy Khang trình bày:

Ông Châu DK (ông K) và bà Lê PN (bà N) qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2008 (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44/KH/2008, quyền số 01 đăng ký ngày 08 tháng 03 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận K, Thành phố T). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể

hàn gắn được, không còn hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân nên ông Khang khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Ngọc.

Về con chung: Ông K và bà N có 01 con chung họ tên là Châu TA, sinh ngày 08/01/2010 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn, ông giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, ông K xác định yêu cầu như sau: Về hôn nhân: được ly hôn với bà Lê PN; về nuôi con chung: giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng; về tài sản chung: do ông và bà N đã giải quyết xong nên giữa ông và bà N hiện nay không có tài sản chung; về nợ chung: ông xác nhận không có.

Tại các bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải ngày 24 tháng 12 năm 2021, biên bản hòa giải ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án bị đơn bà Lê PN trình bày:

Bà thống nhất với ông K đối với phần trình bày về quá trình tiến đến hôn nhân. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K không chung thủy, đàn áp bà về tinh thần lẫn vật chất và vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nên ít chia sẻ quan tâm nhau, dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Bà xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông K.

- Về con chung: Bà và ông K có 01 con chung là Châu TA, sinh ngày 08/01/2010 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bà sẽ đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp khi bà biết được lương của ông K.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: xác nhận không có.

Tại đơn đề ngày 04/01/2022 và ngày 13/01/2022 bà N trình bày: do quá trình sống chung ông K không chung thủy nên bà và con đều bị ảnh hưởng cuộc sống tinh thần, ông K thường xuyên kiểm chuyện, đàn áp tinh thần, thiếu trách nhiệm với vợ con từ việc học đến sinh hoạt hàng ngày. Đồng thời, ông K còn có hành vi bạo hành đánh vợ. Đối với tài sản chung là chiếc xe hơi Mazda Cx5 biển số 51H-596065 đứng tên ông Châu HA (là anh ruột của ông K), bà yêu cầu được chia 50% giá trị của chiếc xe.

Tại phiên tòa, bà N trình bày: Bà cảm thấy rất áp lực và mệt mỏi khi nói chuyện và tiếp xúc với ông K, cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được nữa nên bà đồng ý ly hôn với ông K; về con chung: bà đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 20.000.000 (Hai

mười triệu) đồng; về nợ chung: không có; về tài sản chung: bà đề nghị chia tài sản chung là chiếc xe ô tô Mazda Cx5 biển số 51H-596065 đứng tên ông Châu HA (là anh ruột của ông K).

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý được quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định từ Điều 93 đến Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Không đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (do nguyên nhân khách quan).

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên Tòa, theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

- Xét yêu cầu của ông K:

Nhận thấy ông K và bà N sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường K, quận K, thành phố T (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/ 2008 quyền số 01 đăng ký ngày 08/3/2008).

Sau khi kết hôn, vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả 02 bất đồng quan điểm sống, chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mặc dù vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Khang yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: ông K yêu cầu được ly hôn với bà Lê PN.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng của ông K và bà N không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Ngọc cũng đồng ý ly hôn, do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

+ Về con chung: Có 01 con chung là Châu TA (giới tính: nữ) sinh ngày 08/01/2010. Sau khi ly hôn, ông K và bà N thỏa thuận thống nhất giao cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bé A cho đến khi trưởng thành. Về mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Tại phiên tòa hôm nay, ông K đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 đồng, bà N đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/tháng. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

+ Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án ông K khai nhận không có tài sản chung. Bà N có đơn yêu cầu chia tài sản chung là xe ô tô hiệu Mazda nộp sau khi Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, và Quyết định xét xử. Do đó, đề nghị không xem xét yêu cầu của bà N, giành quyền khởi kiện vụ án dân sự về tranh chấp chia tài sản chung nếu có yêu cầu.

+ Về nợ chung: cả hai đương sự xác nhận không có.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Châu DK : Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Châu DK và bà Lê PN; Về con chung: Giao con chung Châu TA, nuôi dưỡng; Ông Châu DK có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; Ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung là 20.000.000 đồng/ tháng; Về nợ chung: không có; về tài sản chung: giành quyền khởi kiện về chia tài sản chung bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu. Về án phí: ông Châu DK phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Châu DK yêu cầu khởi kiện ly hôn với bị đơn bà Lê PN và bà Lê PN đang cư trú tại Quận 7; Đây là tranh chấp về ly hôn là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Châu DK và bà Lê PN tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào năm 2008.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/2008, quyền số 01 đăng ký ngày 08 tháng 03 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận K, Thành phố T có đủ cơ sở để xác định ông K và bà N là vợ chồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Ông K và bà N chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông K trình bày là: do cả hai bất đồng quan điểm sống, chung sống không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày là: vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, ông K thiếu trách nhiệm với vợ con, không có sự quan tâm và chia sẻ với vợ về mọi vấn đề trong cuộc sống; đồng thời do ông K không chung thủy, đàn áp bà về tinh thần lẫn vật chất. Tại phiên tòa, ông K vẫn giữ yêu cầu ly hôn với bà N, bà N đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy, với những mâu thuẫn do ông K và bà N trình bày thì quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà N cũng chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp lý sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.2] Về nuôi con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 46 đăng ký ngày 22 tháng 02 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường C, quận K, thành phố T; sự xác nhận của ông K và bà N thể hiện ông K và bà N có 01 (Một) con chung họ tên là Châu TA, sinh ngày 08/01/2010 (Giới tính: Nữ).

[2.2.1] Tại phiên tòa, ông K và bà N thống nhất: sau khi ly hôn giao bà Lê PN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, việc giao bà Lê PN trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là con gái đang trong độ tuổi dậy thì đảm bảo cho trẻ phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung:

[2.3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án ông K xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung; tại phiên tòa ông K xác nhận không có tài sản chung.

[2.3.2] Tại các bản tự khai ngày 12/11/2021, 24/12/2021, 31/12/2021: bà N đề nghị chia tài sản chung là xe ô tô Mazda CX5 biển số 51H 59665 do ông Châu HA đứng tên đăng ký sở hữu. Đối với yêu cầu này của bà N, tại biên bản làm việc ngày 16/11/2021, Tòa án đã yêu cầu và hướng dẫn bà phải làm đơn và nộp cho Tòa án hạn cuối là đến hết ngày 25/11/2021 bà phải nộp. Tuy nhiên, hết thời hạn trên mà bà không nộp đơn yêu cầu cho Tòa án và cũng không yêu cầu đưa ông Châu HA vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 24/12/2021; Biên bản hòa giải ngày 31/12/2021 bà N xác định: tự thỏa thuận về tài sản chung. Ngày 04/01/2022 và ngày 13/01/2022, bà N có yêu cầu chia tài sản chung là xe ô tô Mazda CX5 biển số 51H 59665 do ông Châu HA đứng tên đăng ký sở hữu; bà yêu cầu được chia 50% giá trị của chiếc xe. Căn cứ Điều 5, Khoản 4 Điều 70, Khoản 2 Điều 71, Khoản 3 Điều 200, Khoản 2 Điều 210, Điều 243 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án chỉ chấp nhận việc đương sự yêu cầu, bổ sung, thay đổi yêu cầu nếu đương sự thực hiện trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà N nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung sau thời điểm Tòa án mở phiên họp tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và sau thời điểm Tòa án ra Quyết định xét xử (Bà N nộp đơn ngày 04/01/2022 và ngày 13/01/2022; Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/12/2021 và ngày 31/12/2021; đồng

thời ngày 31/12/2021 Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ). Do đó, căn cứ các quy định trên, Tòa án không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà Ngọc về việc chia tài sản chung là xe ô tô Mazda CX5 biển số 51H 59665 do ông Châu HA đứng tên đăng ký sở hữu trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung (nếu có) giữa bà Lê PN và ông Châu DK giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[2.4] Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

[3.1] Ông Châu DK phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng

[3.2] Án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, ông Châu DK phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Ông Châu DK và bà Lê PN có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 70, Khoản 2 Điều 71, Điều 147; Khoản 3 Điều 200, Khoản 2 Điều 210; Điều 243 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 110, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Châu DK và bà Lê PN (Giấy chứng nhận kết hôn số 44/KH/2008, quyền số 01 đăng ký ngày 08 tháng 03 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường K; quận K, Thành phố T).

2.2. Về nuôi con chung: Ông Châu DK và bà Lê PN có 01 con chung họ tên là Châu TA, sinh ngày 08/01/2010 (Giới tính: Nữ). Sau khi ly hôn giao con chung cho bà Lê PN trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 03 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành vào tháng 02 năm 2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ông Châu DK có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

2.3. Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện tranh chấp tài sản chung (nếu có) giữa bà Lê PN và ông Châu DK bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2.4. Về nợ chung: Cả hai đương sự xác nhận không có.

2.5. Án phí sơ thẩm:

Ông Châu DK phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0042636 ngày 24/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Châu DK phải chịu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Luyện